

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2019

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2018

I. NỘI DUNG

1. Ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tỉnh đã triển khai và vận hành: có 68 cổng/trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó 5 cổng/trang thông tin độc lập, còn lại 63 cổng/trang là cổng thành phần của cổng thông tin điện tử tỉnh. Các cổng/trang thông tin đáp ứng khá đầy đủ các nội dung yêu cầu theo Nghị định số 43/2011/CP-NĐ ngày 13 tháng 6 năm 2011 của chính phủ.

Từ tháng 5/2018 tỉnh đã triển khai Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến để công bố các thủ tục hành chính, công khai thông tin và giải quyết tất cả các thủ tục hành chính của các đơn vị tại một địa chỉ: dvc.haugiang.gov.vn.

2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến đưa vào sử dụng từ tháng 5/2018, đến nay hệ thống đã triển khai đến tất cả các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường thị trấn (102 đơn vị sử dụng); Hệ thống cũng đã cung cấp phân hệ dịch vụ công nhằm phục vụ cho người dân và doanh nghiệp đăng ký dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại địa chỉ: dvc.haugiang.gov.vn.

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến cung cấp mức 3: 280 dịch vụ.
- Tổng số dịch vụ công trực tuyến cung cấp mức 4: 107 dịch vụ.
- Tổng số hồ sơ được người dân nộp trực tuyến tính đến 15/10/2018 là: 297 hồ sơ.

3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Phần mềm cung cấp dịch vụ công của tỉnh triển khai khá hiệu quả tại

Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn. Phần mềm đã liên thông 3 cấp để thuận tiện trong việc giải quyết các hồ sơ liên thông của các đơn vị. Tính đến thời điểm hiện tại, các đơn vị đã tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính trên phần mềm là: 37.580 hồ sơ.

4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

Gửi nhận văn bản điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước: Phần mềm Quản lý văn bản đã triển khai cho tất cả các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cụ thể: cấp tỉnh 36 đơn vị, cấp huyện 102 đơn vị, cấp xã 76 đơn vị. Số lượng người sử dụng: 4.579 (tài khoản). Các đơn vị đã khai thác có hiệu quả các tính năng của phần mềm như ký số trực tuyến, tìm kiếm, tiếp nhận xử lý văn bản đến, tạo lập, phát hành văn bản đi, gửi nhận văn bản liên thông với văn phòng chính phủ ... giúp việc tra cứu, khai thác văn bản được thuận lợi, nhanh chóng, rút ngắn thời gian xử lý công việc hàng ngày của các cơ quan, góp phần cải cách hành chính, tỷ lệ văn bản điện tử ký số khá cao, tuy nhiên tỷ lệ văn bản điện tử được ký số giữa các đơn vị không đồng đều do một số đơn vị ký số văn bản điện tử chưa nhiều, chứng thư số còn thiếu và công tác hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị cấp huyện do 1 cán bộ của Văn phòng HĐND&UBND huyện phụ trách, việc sử dụng phần mềm tại một số đơn vị còn yếu.

Phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức trong tỉnh cũng đã triển khai cho 707 cơ quan đơn vị trong tỉnh sử dụng, cụ thể:

- Đối với sở, ban, ngành tỉnh: có 24 đơn vị và 77 đơn vị trực thuộc.
- Đối với cấp huyện: có 08 đơn vị huyện, thị xã và thành phố và 107 phòng ban chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố.
- Đối với cấp xã: có 76 xã, phường, thị trấn.
- Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục: có 26 trường THPT và 296 đơn vị Trường THCS, Tiểu học, Mẫu giáo và Mầm Non.
- Đối với đơn vị sự nghiệp Y tế: có 93 trung tâm và trạm y tế
- Hiện tại hồ sơ được cập nhật trên phần mềm QLHSCCVC là **15.946** hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ hoàn chỉnh khoảng 7000 hồ sơ, số hồ sơ còn lại các đơn vị đang cập nhật một số trường thông tin như: nhân thân (lý lịch), bảo hiểm xã hội,...

5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

Một số ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu tại các sở, ban, ngành như: Sở Tài nguyên và Môi trường đã từng bước hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai của tỉnh; Chi Cục thuế tỉnh quản lý thuế, khai báo thuế qua mạng, doanh nghiệp nộp thuế qua mạng có ứng dụng chữ ký số, Bảo hiểm xã hội tỉnh; cơ sở dữ liệu về giấy phép lái xe.

6. Hạ tầng kỹ thuật

Hiện nay, có 80% số cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính để làm việc; 100% sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đều có mạng LAN có kết nối Internet.

Tỉnh có hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến các UBND cấp huyện; 100% sở, ngành, UBND cấp huyện có cổng/trang thông tin điện tử. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin thông qua môi trường mạng.

7. Nguồn nhân lực

Tổng số CBCCVN có trình độ chuyên môn CNTT từ cao đẳng trở lên là 98 (trong đó phần lớn tốt nghiệp đại học và 2 thạc sĩ). Tuy nhiên, cán bộ chuyên trách (phụ trách) công nghệ thông tin của tỉnh là **64**. Trong đó, cấp huyện: **11** người, cấp tỉnh: **53** người.

Hiện nay, hầu hết các đơn vị đều có cán bộ phụ trách CNTT nhưng trình độ chuyên môn của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu do kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn chưa phù hợp. Tại UBND các huyện, thị xã, thành phố (đặc biệt là các Phòng Văn hóa và Thông tin và UBND cấp xã chưa có cán bộ công nghệ thông tin) hầu như chưa có biên chế phụ trách CNTT nên gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tham mưu và triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị.

8. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch 2018, Kế hoạch 5 năm

8.1. Kế hoạch 2018:

Hậu Giang đã triển khai Công quản lý văn bản triển khai cho tất cả các sở, ban, ngành và phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn.

Đến tháng 5 năm 2018 Cổng dịch vụ công trực tuyến (trong Hệ thống có phân hệ một cửa điện tử) tỉnh Hậu Giang đã triển khai đến tất cả các các sở, ban, ngành, Trung tâm hành chính công của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn; hiện đang hiệu chỉnh một số chức năng để phù hợp với thông tư số 32/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông

Đã xây dựng, ban hành Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Kết quả triển khai kết nối, liên thông, gửi, nhận văn bản điện tử: Hệ thống quản lý văn bản dùng chung của tỉnh đã kết nối được tất cả các đơn vị sử dụng (kể cả các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã, phường, thị trấn thuộc UBND cấp huyện) và liên thông với Văn phòng Chính phủ.

Về sử dụng chữ ký số trong Hệ thống quản lý văn bản: Đã tích hợp

chữ ký số trong hệ thống quản lý văn bản dùng chung của tỉnh. Tỷ lệ trung bình văn bản đi có ký số trên văn tổng số văn bản đi của toàn tỉnh đạt 68%.

Cấp phát và tổ chức tập huấn sử dụng chữ ký số cho 90 cá nhân là lãnh đạo cấp trưởng, phó phòng hoặc tương đương tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã và 10 cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Tỉnh tiếp tục rà soát và cấp phát chứng thư số cho các cá nhân, tổ chức còn lại trong năm 2018.

8.2. Kế hoạch 2016-2020:

Hậu Giang đã xây dựng và triển khai các Kế hoạch: Kế hoạch số 07/KH-UBND tỉnh ngày 25 tháng 01 năm 2016 về việc thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Công văn 2779 của Chính phủ về lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng ban hành danh mục dịch vụ công mức 3, 4 năm 2017, Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2018 – 2019. Đến nay, tỉnh đã cung cấp tất cả các thủ tục hành chính mức độ 2, 280 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 107 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỉnh đang tiếp tục rà soát các thủ tục theo Quyết định số 877/QĐ-TTg để đưa lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

9. Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư. Đối với các Bộ, ngành nếu triển khai tới địa phương nêu rõ tới cấp nào (tỉnh/huyện/xã)	Tổng mức đầu tư	Kinh phí đã giải ngân	Nguồn vốn (ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương; vốn ODA,...)
1	Xây dựng Cổng dịch vụ công trực tuyến	Sở TT&TT	CNTT	Quản lý thủ tục hành chính, giúp người dân nộp hồ sơ trực	Toàn tỉnh	Cấp tỉnh, cấp huyện và xã	5 tỷ	3,980 tỷ	Địa phương

				tuyến mức 3 và 4					
2	Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền điện tử	Sở TT&TT	CNTT	Xây dựng Khung kiến trúc tổng thể cho việc phát triển chính quyền điện tử tỉnh	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	500 triệu	500 triệu	Địa phương
3	Phần mềm Quản lý văn bản	VP. UBND tỉnh	CNTT	Trao đổi văn bản đi và đến của các cơ quan nhà nước	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	2,5 tỷ	2,5 tỷ	Địa phương
	Tổng						8 tỷ		

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

Nhu cầu đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin khá lớn. Tuy nhiên, việc bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm rất khó khăn nên việc thực hiện các dự án bị động.

Lãnh đạo một số cơ quan chưa quan tâm sâu sát đến lĩnh vực công nghệ thông tin nên quá trình triển khai cũng gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao.

Tỉnh chưa có mạng diện rộng (WAN) nên các phần mềm dùng chung hiện nay chỉ sử dụng thông qua môi trường Internet vì vậy tốc độ xử lý và độ an toàn chưa cao.

Trung tâm dữ liệu của tỉnh đã được đầu tư với hệ thống sao lưu dự phòng SAN, công nghệ ảo hóa VMware, có trang thiết bị bảo mật ở mức cơ bản. Tuy nhiên, các máy chủ hiện đang hết tài nguyên (RAM và dung lượng ổ đĩa cứng), một số thiết bị cũ, lỗi thời. Hệ thống thư điện tử hoạt động không ổn định (chậm và thường xuyên không gửi/nhận được). Hạ tầng phục vụ không đảm bảo, an toàn như UPS, một số ổ đĩa cứng đã bị hỏng,... (do được trang bị theo Đề án 112 nên đã cũ so với hiện tại)

Các thiết bị máy tính của một số UBND cấp xã, phường, thị trấn đã cũ và hết hạn sử dụng.

Cán bộ CNTT chưa được tập huấn cập nhật bồi dưỡng kiến thức thường xuyên đặc biệt là các kiến thức liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin.

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh còn thiếu và yếu.

Số lượng hồ sơ nộp trực tuyến còn rất ít do người dân chưa được tiếp cận với các dịch vụ của các cơ quan hành chính, ngoài ra việc tiếp nhận xử lý các hồ sơ trực tuyến còn khó do chưa có cơ sở dữ liệu công dân nên không xác thực được người nộp hồ sơ trực tuyến.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để nâng cấp hạ tầng hệ thống (phần cứng và phần mềm) đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống; xây dựng và nâng cấp các phần mềm dùng chung đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương; xây dựng trực liên thông của tỉnh; đẩy mạnh xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đẩy mạnh đào tạo nâng cao và chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, đội ngũ CIO và đặc biệt là cán bộ làm công tác an toàn an ninh thông tin.

Có chế độ đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin.

B. KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2019

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin;

Luật Giao dịch điện tử;

Luật An toàn thông tin;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã được ban hành theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011;

Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Quyết định 846/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 các bộ, ngành, địa phương triển khai năm 2017;

Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;

Công văn số 3405/BTTTT-THH ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019;

Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 1.0;

Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 – 2020.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ tốt cho việc triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu theo kiến trúc chính

quyền điện tử cấp tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin theo hướng thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Đảm bảo điều kiện kỹ thuật tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia; tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng giữa các cơ quan trên cơ sở kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị.

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng

Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành nhằm đảm bảo các phần mềm dùng chung của tỉnh được kết nối liên thông dữ liệu với nhau và có thể kết nối với các phần mềm của bộ, cơ quan ngang bộ và Chính phủ.

Duy trì cập nhật khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Xây dựng một số cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh.

Xây dựng trực liên thông của tỉnh nhằm liên kết các phần mềm có nhu cầu trao đổi thông tin, dữ liệu với nhau và liên thông với trực liên thông quốc gia.

Nâng cấp, mở rộng, chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu và chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đáp ứng theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan

Các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các đơn vị được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử, trên môi trường mạng (trừ các văn bản mật và các văn bản theo quy định của tỉnh), trong đó nhiều văn bản có

thể sử dụng chữ ký số thay cho văn bản giấy, phần đầu 70% các văn bản trao đổi trên môi trường mạng được ký số.

2.3. Đảm bảo an toàn an ninh thông tin

Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; diễn tập ứng cứu sự cố và triển khai công tác ứng cứu sự cố trên các hệ thống dùng chung của tỉnh (đánh giá hạ tầng phần cứng và hệ thống phần mềm).

Xây dựng mạng diện rộng của tỉnh với đường truyền tốc độ cao, kết nối thông suốt các đơn vị quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã để sử dụng chung hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Phần đầu đạt 100% các cơ quan hành chính trong tỉnh được kết nối mạng diện rộng của tỉnh.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

Tăng cường sử dụng văn bản điện tử và ký số trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Cải tiến quy trình, công việc, thủ tục, chuẩn hóa nghiệp vụ theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Xây dựng các hệ thống thông tin địa lý để khai thác thông tin hỗ trợ công tác điều hành ra quyết định.

Xây dựng phần mềm giúp tự động hóa một số quy trình trong xử lý công việc.

Duy trì, nâng cao chất lượng hệ thống thư điện tử, đảm bảo an toàn thông tin, cung cấp đủ thư điện tử công vụ cho công chức đến cấp xã.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

Triển khai vận hành Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Đưa hệ thống này vào hoạt động phục vụ người dân và doanh nghiệp. Phần đầu 80% thủ tục hành chính của cấp tỉnh được đưa vào Trung tâm hành chính công tỉnh, trong đó khoảng 30% thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 20% trực tuyến mức độ 4.

90% hồ sơ thủ tục hành chính được nhập và xử lý qua phần mềm Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

50% các thủ tục liên thông được xử lý liên thông qua phần mềm Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Thực hiện kết nối liên thông Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Hậu Giang với Cổng dịch vụ công Quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Tạo nhiều kênh giao tiếp với người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Trung tâm hành chính công, hệ thống Một cửa hiện đại.

3. Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin.

Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn thông tin.

Đào tạo đội ngũ CIO của tỉnh nhằm tăng cường công tác tham mưu, giúp lãnh đạo định hướng phát triển công nghệ thông tin phù hợp với tình hình tại địa phương.

4. Hạ tầng kỹ thuật

Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tiến hạ tầng đường truyền, phần mềm tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử đồng bộ, kết nối, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đồng thời đảm bảo cung cấp các thủ tục hành chính, các dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp ở mức 3 và mức 4 trên các lĩnh vực của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh với tính khả dụng cao nhằm tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong ứng dụng công nghệ thông tin.

Trang bị máy tính và thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công việc cho 100% công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của tỉnh; Xây dựng mạng diện rộng đảm bảo kết nối an toàn các mạng nội bộ với mạng Internet băng thông rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ từ các cơ quan cấp tỉnh đến cấp xã.

Xác định kiến trúc cơ sở dữ liệu thông tin kinh tế - xã hội. Kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu điện tử dùng chung và chuyên ngành của tỉnh

với mạng cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Đảm bảo an toàn thông tin

Trên 50% các cổng/trang thông tin, các phần mềm dùng chung của tỉnh được giám sát an toàn thông tin mạng.

Xây dựng các chính sách, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin trên mạng theo quy định và đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Xây dựng Trung tâm kỹ thuật an toàn mạng theo tiêu chuẩn áp dụng các biện pháp bảo mật tiên tiến để ngăn chặn phòng ngừa tấn công mạng.

Xây dựng, áp dụng quy trình sao lưu, dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo an toàn dữ liệu, đầu tư các thiết bị lưu trữ số liệu từ tỉnh đến các sở, ban, ngành, huyện, thị, thành phố.

Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá về mức độ an toàn thông tin của các đơn vị, đề xuất các giải pháp phù hợp.

Tổ chức tập huấn, diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin của tỉnh, kịch bản phù hợp thực tế cùng sự tham gia của các cơ quan quản lý và doanh nghiệp liên quan.

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

Tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về công nghệ thông tin; Kế hoạch số 07/KH-UBND tỉnh ngày 25 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị Quyết số 36a của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh về thực hiện lộ trình triển khai dịch vụ công trực tuyến và Chương trình hành động số 246-CTr/TU của Tỉnh ủy Hậu Giang về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố tổ chức xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 tại đơn vị phù hợp với mục tiêu chung của tỉnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, thu hút nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin.

Xây dựng các quy định về vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan.

2. Giải pháp tài chính

Cần có cơ chế đầu tư riêng cho công nghệ thông tin như: thông qua Hội đồng nhân dân để phân bổ kinh phí hằng năm cho xây dựng Chính quyền điện tử; sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cho việc xây dựng Chính quyền điện tử.

Ưu tiên bố trí ngân sách cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, đặc biệt cho mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

Tăng cường tìm kiếm, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và các dự án tài trợ của nước ngoài, đặc biệt là các dự án liên quan đến Chính phủ điện tử. Khuyến khích các ngành, các địa phương đa dạng hóa các nguồn vốn huy động cho ứng dụng công nghệ thông tin ở đơn vị mình.

Các sở, ban, ngành và huyện, thị, thành phố cân đối kinh phí để bảo đảm thực hiện các dự án trọng điểm và xây dựng cơ sở hạ tầng cho ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị. Bố trí hạng mục kinh phí phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin của các sở ngành, huyện, thị, thành phố nằm trong kinh phí đầu tư phát triển, kinh phí mua sắm, sửa chữa, kinh phí chi thường xuyên của đơn vị. Cân đối nhu cầu trong từng giai đoạn của từng đơn vị, điều chuyển cơ sở vật chất nội bộ trong mỗi đơn vị, giữa các đơn vị với nhau, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Tập trung quản lý thống nhất, bám sát mục tiêu của kế hoạch và sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực tài chính.

Lựa chọn hình thức phù hợp trong việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin, nhằm giảm đầu tư từ ngân sách.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với thủ tục hành chính

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tuyên truyền để tổ chức, công dân biết, tìm hiểu, giao dịch còn hạn chế; có một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa quy định rõ thủ tục hành chính nào là liên thông, đầu mối tiếp nhận là ở cơ quan nào, tên thủ tục liên thông chưa đồng nhất giữa các cấp hành chính.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính gắn liền với đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, tạo môi trường thuận lợi phát triển các dịch vụ hành chính công trực tuyến.

4. Giải pháp triển khai

Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về giao vai trò Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo lãnh đạo của các đơn vị phát huy vai trò của người đứng đầu, tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

IV. DANH MỤC DỰ ÁN

(Đính kèm Danh mục dự án)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch, cân đối mức ngân sách bố trí cho kế hoạch hàng năm, tranh thủ các nguồn kinh phí hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan hướng dẫn xây dựng, thẩm định nội dung và tài chính các đề án, dự án của các cơ quan hành chính nhà nước.

Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành tỉnh đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào chương trình cải cách hành chính, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối nguồn vốn bố trí cho các dự án về ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo bố trí vốn đầy đủ và đúng tiến độ cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin đã được phê duyệt.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm tra, tổng hợp nhu cầu kinh phí, dự án công nghệ thông tin theo kế hoạch trên địa bàn tỉnh, báo cáo cấp

có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn các đơn vị bố trí kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch của tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo CIO, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và nâng cao trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin (theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông) cho công chức thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong kế hoạch hàng năm của tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước với nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao thuộc phạm vi quản lý.

Trên cơ sở Kế hoạch chung của tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 của đơn vị mình. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch chung của tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

Cân đối, bố trí, huy động kinh phí để triển khai các nhiệm vụ tại đơn vị mình.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có vướng mắc, khó khăn đề nghị báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đông Văn Thanh

DANH MỤC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2019

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2019	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2019
1	Xây dựng mạng diện rộng (WAN) cầu tỉnh	Sở TT&TT	CNTT	Mới	Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống dùng chung của tỉnh	Toàn tỉnh	Tất cả các đơn vị của tỉnh	2019	Xây dựng mạng WAN	4 tỷ	Địa phương	4 tỷ
2	Xây dựng phần mềm luân chuyển hồ sơ đất đai	Sở TN&MT	CNTT	Mới	Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu Quốc gia về quan trắc	Toàn tỉnh		2019	Xây dựng CSDL quan trắc	1,8 tỷ	Địa phương	
Tổng cộng:										5.8 tỷ		

Tổng tiền bằng chữ: Năm tỷ tám trăm triệu đồng.